

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÐ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 23/3/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Tình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức Hòa.

2. Bà Lê Thị Thận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2021/TLST-DS, ngày 19 tháng 11 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXXST-DS, ngày 30/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lại Văn Tr, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 12, xã TN, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị NH, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Nơi cư trú trước khi khởi kiện: Thôn 3, xã TN, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn Đồng Xá Bắc, xã ĐC, huyện KT, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2020 nguyên đơn ông Lại Văn Tr trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị NH quen biết nhau. Ngày 22/9/2017, ông cho bà NH vay số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 22/4/2018, không thỏa thuận lãi suất trong giấy tờ vay. Quá thời hạn trả nợ bà NH không trả và bỏ đi khỏi địa phương nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NH phải trả cho ông số tiền vay gốc là 50.000.000đ; yêu cầu trả lãi suất 33 tháng (từ ngày 22/4/2018 đến ngày 08/7/2020) x 1%/tháng là 16.500.000đ.

**Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/11/2021 nguyên đơn ông Lại Văn Tr trình bày:** Ông giữ nguyên lời khai theo như đơn khởi kiện đã trình bày và bổ sung thêm việc thỏa thuận vay với bà NH. Cụ thể khi ông cho bà NH vay số tiền 50.000.000đ thì có con trai bà NH tên là Nguyễn Văn C cùng đến; hai bên không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay bà NH nói là lo công việc gia đình. Khi vay bà NH có ký tên và điểm chỉ bằng ngón trỏ, con trai bà NH cũng ký và điểm chỉ với tư cách người chứng kiến. Thời điểm vay không có chồng bà NH nên ông chỉ kiện cá nhân bà NH. Nguồn tiền cho vay là của riêng ông, không liên quan đến vợ ông. Nay ông yêu cầu cá nhân bà NH trả số tiền vay gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 23/4/2018 đến nay là 16.500.000đ và tiếp tục chịu lãi theo quy định.

**Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/12/2021 nguyên đơn ông Lại Văn Tr trình bày:** Ngoài nội dung lời khai trước đây, ông yêu cầu lại một số nội dung như sau:

Về yêu cầu tính lãi suất: Khoản vay giữa ông và bà NH không thỏa thuận lãi suất vay. Vì vậy, ông yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tức là 10%/năm, kể từ ngày 23/4/2018.

**Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lại Văn Tr trình bày:** Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà NH trả số tiền vay gốc 50.000.000đ. Về lãi suất ông đề nghị tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tức là 10%/năm, kể từ ngày 23/4/2018.

**Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn bà Nguyễn Thị NH được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên, bà NH không gửi ý kiến cho Tòa án, không đến Tòa án làm việc.**

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện BD phát biểu ý kiến:** Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền gốc, lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Về sự có mặt các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị NH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ "Giấy vay tiền ngày 22/9/2017" do nguyên đơn nộp trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Bên vay là bà Nguyễn Thị NH, sinh ngày 10/10/1967; số

chứng minh nhân dân 285356872 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/5/2008. Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã TN, huyện BD, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ biên bản xác minh giữa Tòa án nhân dân huyện BD với Công an xã TN, huyện BD thể hiện bà NH có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nhà ở tại thôn 3, xã TN. Tuy nhiên, từ khoảng giữa năm 2020 bà NH cùng gia đình đã đi nơi khác sinh sống.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng hết thời hạn thỏa thuận bị đơn không trả như thỏa thuận, rồi bỏ đi nơi khác không báo với nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ bị đơn theo hợp đồng giao kết và nơi ở của bị đơn nên được xem là đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện BD đã chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương để giải quyết do bị đơn đang cư trú tại Thôn ĐXá, xã DC, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương hoàn trả lại hồ sơ để giải quyết, do nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn theo hợp đồng. Ngoài ra bị đơn cũng không có ý kiến về thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền vay gốc 50.000.000đ:

Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Tr cho rằng ngày 22/9/2017 có cho cho bà NH vay số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 22/4/2018, không thỏa thuận lãi suất. Khi vay có viết giấy vay tiền, bà NH ký tên và điểm chỉ vào giấy vay, ngoài ra còn có con ruột bà NH là anh Nguyễn Văn C cùng ký tên và điểm chỉ vào giấy vay với tư cách là người chứng kiến.

Căn cứ giấy vay do nguyên đơn nộp trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Bên vay là bà Nguyễn Thị NH, sinh ngày 10/10/1967; số chứng minh nhân dân 285356872 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/5/2008. Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã TN, huyện BD, tỉnh Bình Phước vay của ông Lại Văn Tr số tiền 50.000.000đ, hạn trả ngày 22/4/2018. Mục cuối của giấy vay có ghi chữ ký và họ tên Nguyễn Thị NH cùng dấu vân tay bằng mực đỏ, bên cạnh có ghi thông tin con trai người vay Nguyễn Văn Công cùng dấu vân tay bằng mực đỏ.

Căn cứ Văn bản phúc đáp số 288/CAH(QLHC) ngày 26/01/2021 của Công an huyện BD có nội dung "*Công dân có số chứng minh nhân dân 285356872 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/5/2008 có thông tin về nhân thân như sau: Họ tên: Nguyễn Thị NH, sinh ngày 10/10/1967. Nơi cư trú trước khi chuyển hộ khẩu: Thôn 3, xã TN, huyện BD, tỉnh Bình Phước.....*"

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương thể hiện bị đơn bà NH có nhà ở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã TN, nhưng khoảng

giữa năm 2020 cùng gia đình chuyển đi nơi khác sinh sống. Tòa án nhân dân huyện BD xác định được bà NH hiện đang sinh sống tại thôn DX, xã DC, huyện KT, tỉnh Hải Dương nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà riêng của bà NH tại thôn 3, xã TN và ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương tổng đạt đơn khởi kiện, cùng tài liệu kèm theo và các văn bản tố tụng theo quy định cho bà NH biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên, bà NH không gửi ý kiến cho Tòa án, không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa sơ thẩm nên coi như tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên có đủ cơ sở khẳng định ngày 22/9/2017 nguyên đơn ông Lại Văn Tr cho bị đơn bà Nguyễn Thị NH vay số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 22/4/2018. Khi vay có lập giấy vay tiền, được bà NH ký tên và điểm chỉ vào giấy vay. Sau khi hết thời hạn thanh toán bà NH không thanh toán mà bỏ đi nơi khác sinh sống và cắt khẩu đi khỏi địa phương, theo như phiếu chuyển khẩu ngày 03/8/2020 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng trong thời hạn vay các bên không thỏa thuận lãi suất, sau khi hết thời hạn vay bị đơn không trả nên yêu cầu trả số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/ năm và tính từ ngày 23/4/2018 cho đến khi xét xử xong.

Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ nội dung giấy vay ngày 22/9/2017 thể hiện của các bên không có nội dung thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn xác nhận khoản vay không có lãi suất. Vì vậy, sau khi hết thời hạn thanh toán theo thỏa thuận thì bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự là 10%/năm và được tính như sau.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 50.000.000đ (nợ gốc quá hạn chưa trả) x 10%/năm (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x 47 tháng (thời gian chậm trả nợ gốc từ ngày 23/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/3/2022) = 19.505.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 69.505.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Văn Tr đối với bị đơn bà Nguyễn Thị NH;

Buộc bà Nguyễn Thị NH trả cho ông Lại Văn Tr tổng cộng số tiền gốc và lãi là 69.505.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị NH phải chịu 3.475.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện BD hoàn trả lại cho ông Lại Văn Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.637.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015785 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BD;
- CCTHADS huyện BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lường Văn Tình**